

Tân Bình, ngày 23 tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH THU CÁC KHOẢN THU NH : 2023 - 2024

Căn cứ Công văn số 1650/GDĐT-TCKH ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo - Phòng Tài chính - Kế hoạch quận Tân Bình về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 – 2024 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn quận Tân Bình;

Căn cứ Phiếu chuyển số 5643/Q ngày 02/10/2023 của Văn phòng UBND quận Tân Bình về việc chấp thuận theo đề xuất của Phòng Giáo dục và Đào tạo - Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Công văn số 1650/GDĐT-TCKH ngày 27 tháng 9 năm 2023;

Căn cứ Công văn số 1700/GDĐT-TC ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận Tân Bình về việc triển khai hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2023 – 2024;

Trường THCS Trường Chinh thực hiện thu các khoản thu trong năm học 2023 - 2024 như sau :

1. Hình thức thu:

Cha mẹ học sinh thanh toán các khoản thu trong năm học 2023 – 2024 có thể thanh toán theo từng tháng, từng học kỳ hoặc theo năm học.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND Thành phố, UBND quận Tân Bình về thực hiện chủ trương thanh toán **không dùng tiền mặt** khi thanh toán học phí (Học sinh thực hiện thanh toán các khoản thu theo **mã SSC của từng HS**).

2. Thời gian thu:

Thời gian đóng các khoản thu NH : 2023 – 2024 theo từng tháng : **từ ngày 01 đến ngày 10 hàng tháng** (Đính kèm kế hoạch thu của từng khối lớp).

- Thanh toán **theo từng tháng** : chọn tháng cần thanh toán.
- Thanh toán **theo từng học kỳ**
 - HK1/NH : 2023 - 2024 : chọn từ tháng 9/2023 đến tháng 12/2023.
 - HK2/NH : 2023 - 2024 : chọn từ tháng 01/2024 đến tháng 5/2024.
- Thanh toán **theo năm học** : chọn từ tháng 9/2023 đến tháng 5/2024.

Trên đây là kế hoạch thu các khoản thu trong năm học 2023 – 2024 của trường THCS Trường Chinh.

Nơi nhận:

- Ban lãnh đạo trường;
- CMHS, GVCN;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Phạm Thị Trịnh", written over a horizontal blue line.

Phạm Thị Trịnh



THANH TOÁN HỌC PHÍ

QUA TRUNG GIÁN THANH TOÁN



HƯỚNG DẪN

HƯỚNG DẪN LẤY MÃ SSC

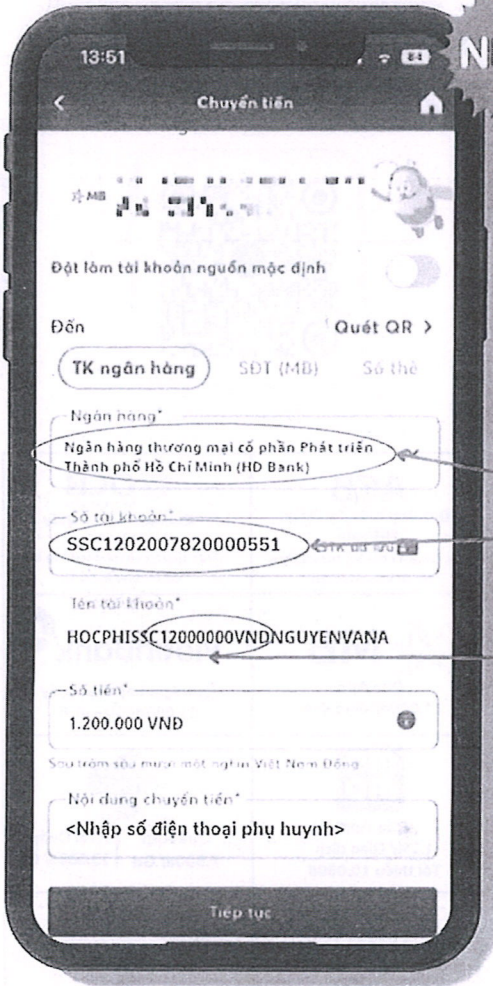
PHHS nhận phiếu báo phí, các khoản thu nhà trường vào đầu kỳ thu phí theo tháng hoặc theo học kỳ, trên phiếu báo có mã dùng để thanh toán học phí (mã SSCID)

Phiếu Báo Học Phí

Mã SSCID: 1202007820000551

STT	Mã	Tên	Đơn vị	Đơn vị tính	Số tiền	Ngày
1	01	Phí học phí	THCS	100.000	10.000.000	10/10/2020
2	02	Phí sách vở	THCS	50.000	5.000.000	10/10/2020
3	03	Phí ăn trưa	THCS	20.000	2.000.000	10/10/2020
4	04	Phí sinh hoạt	THCS	10.000	1.000.000	10/10/2020
5	05	Phí bảo hiểm	THCS	10.000	1.000.000	10/10/2020
Tổng cộng						15.000.000

Địa chỉ: Trường THCS Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. HCM
Ngày 04 tháng 10 năm 2020
Phụ huynh



NEW

CÁCH 1:

THANH TOÁN BẰNG CHUYỂN KHOẢN NGÂN HÀNG

Giải pháp tài khoản thanh toán định danh thể hệ mới
CHUYỂN KHOẢN nhanh 24/7 bằng Mã SSCID

Đăng nhập tài khoản Ngân hàng

1. Chọn Chuyển khoản
2. Chọn Ngân hàng thụ hưởng HD Bank
3. Số tài khoản nhập theo cú pháp <SSC><Mã SSCID>
VD: SSC1202007820000551

5.000đ / giao dịch

4. Nhập số tiền cần đóng (xem tại ô tên tài khoản)

Vd: Chủ TK HOCPHISSC 12000000VND <NGUYENVANA>

5. Nhập SĐT vào ô nội dung, kiểm tra và chuyển đi

CÁCH 2:

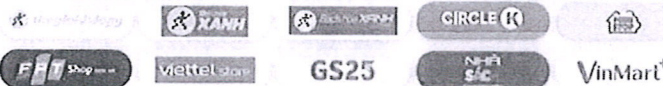
TRA CỨU HÓA ĐƠN VÀ THANH TOÁN (như các dịch vụ thanh toán điện nước)

xem chi tiết tại trang sau >>>

CÁCH 3:

DÀNH CHO PHỤ HUYNH KHÔNG CÓ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

Nộp tiền mặt tại các cửa hàng



Trình quét mã bằng ứng dụng quét QR code

CÁC KHOẢN THU
NĂM HỌC : 2023 - 2024 (Khối 9)



CÁC LỚP TCTA : 9A1 ; 9A2 ; 9A3

Nội dung thu	Thu theo từng tháng									Thu HK1	Thu HK2	Thu HK1 + HK2
	T.9/2023	T.10/2023	T.11/2023	T.12/2023	T.01/2024	T.02/2024	T.03/2024	T.04/2024	T.05/2024	(Từ T.9/2023 đến T.12/2023)	(Từ T.1/2024 đến T.5/2024)	(Từ T.9/2023 đến T.5/2024)
Học phí THCS	<i>Tạm thời chưa tổ chức thực hiện chờ hướng dẫn của cơ quan cấp trên</i>									-	-	-
Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ (Tiếng Anh)	120.000	120.000	120.000	90.000	120.000	60.000	120.000	90.000	120.000	450.000	510.000	960.000
Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài		190.000	190.000	142.500	190.000	95.000	190.000	142.500	190.000	522.500	807.500	1.330.000
Tiền học phẩm		50.000								50.000	-	50.000
Tiền nước uống	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	40.000	50.000	90.000
Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)		50.000								50.000	-	50.000
Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số (Học liệu Số E-Learning – LMS ; Sổ liên lạc điện tử ; Điểm danh điện tử nhận diện gương mặt)	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	144.000	180.000	324.000
Tổng cộng (1)	166.000	456.000	356.000	278.500	356.000	201.000	356.000	278.500	356.000	1.256.500	1.547.500	2.804.000

Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	160.000	160.000	160.000	120.000	160.000	80.000	160.000	120.000	160.000	600.000	680.000	1.280.000
Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú		200.000								200.000	-	200.000
Tiền suất ăn trưa bán trú										-	-	-
Tổng cộng (2)	160.000	360.000	160.000	120.000	160.000	80.000	160.000	120.000	160.000	800.000	680.000	1.480.000
Tổng cộng (1) + (2)	326.000	816.000	516.000	398.500	516.000	281.000	516.000	398.500	516.000	2.056.500	2.227.500	4.284.000

Lưu ý : Các khoản thu trên chưa bao gồm tiền Ăn trưa – ăn xế đối với các học sinh có tham gia bán trú (thanh toán theo từng tháng) : 35.000đ/ngày x số ngày ăn thực tế từng tháng.



CÁC KHOẢN THU

NĂM HỌC : 2023 - 2024 (Khối 9)

CÁC LỚP : 9A4 ; 9A5 ; 9A6 ; 9A7 ; 9A8 ; 9A9 ; 9A10 ; 9A11

Nội dung thu	Thu theo từng tháng									Thu HK1 (Từ T.9/2023 đến T.12/2023)	Thu HK2 (Từ T.1/2024 đến T.5/2024)	Thu HK1 + HK2 (Từ T.9/2023 đến T.5/2024)
	T.9/2023	T.10/2023	T.11/2023	T.12/2023	T.01/2024	T.02/2024	T.03/2024	T.04/2024	T.05/2024			
Học phí THCS	<i>Tạm thời chưa tổ chức thực hiện chờ hướng dẫn của cơ quan cấp trên</i>									-	-	-
Tiền học phẩm		50.000								50.000	-	50.000
Tiền nước uống	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	40.000	50.000	90.000
Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)		50.000								50.000	-	50.000
Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số (Học liệu Số E-Learning – LMS ; Số liên lạc điện tử ; Điểm danh điện tử nhận diện gương mặt)	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	144.000	180.000	324.000
Tổng cộng	46.000	146.000	46.000	46.000	46.000	46.000	46.000	46.000	46.000	284.000	230.000	514.000



CÁC KHOẢN THU
NĂM HỌC : 2023 - 2024 (Khối 9)

LỚP TÍCH HỢP : 9A12

Nội dung thu	Thu theo từng tháng									Thu HK1	Thu HK2	Thu HK1 + HK2	
	T.9/2023	T.10/2023	T.11/2023	T.12/2023	T.01/2024	T.02/2024	T.03/2024	T.04/2024	T.05/2024	(Từ T.9/2023 đến T.12/2023)	(Từ T.1/2024 đến T.5/2024)	(Từ T.9/2023 đến T.5/2024)	
Học phí THCS	<i>Tạm thời chưa tổ chức thực hiện chờ hướng dẫn của cơ quan cấp trên</i>									-	-	-	
Tiền học phẩm		50.000								50.000	-	50.000	
Tiền nước uống	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	40.000	50.000	90.000	
Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)		50.000								50.000	-	50.000	
Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số (Học liệu Số E-Learning – LMS ; Số liên lạc điện tử ; Điểm danh điện tử nhận diện gương mặt)	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	36.000	144.000	180.000	324.000	
Tổng cộng (1)	46.000	146.000	46.000	46.000	46.000	46.000	46.000	46.000	46.000	284.000	230.000	514.000	
<i>(Hs tham gia bán trú)</i>	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	160.000	160.000	160.000	120.000	160.000	80.000	160.000	120.000	160.000	600.000	680.000	1.280.000
	Tiền mua sắm thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú		200.000								200.000	-	200.000
	Tiền suất ăn trưa bán trú										-	-	-
	Tổng cộng (2)	160.000	360.000	160.000	120.000	160.000	80.000	160.000	120.000	160.000	800.000	680.000	1.480.000
	Tổng cộng (1) + (2)	206.000	506.000	206.000	166.000	206.000	126.000	206.000	166.000	206.000	1.084.000	910.000	1.994.000
Lưu ý : Các khoản thu trên chưa bao gồm tiền Ăn trưa – ăn xế đối với các học sinh có tham gia bán trú (thanh toán theo từng tháng) : 35.000đ/ngày x số ngày ăn thực tế từng tháng.													